

Bản án số: 39/2020/HS-ST

Ngày: 29/9/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BẮC KẠN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Thúy

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Như Cường

Ông Đinh Văn Tuyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Đàm Thị Bưởi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện

B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số:34/2020/TLST-HS ngày 19 tháng 8 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:38/2020/QĐXXST-HS ngày 14/9/2020 đối với các bị cáo:

1. Trần Văn Ng. Tên gọi khác: Không

Sinh ngày 23 tháng 9 năm 1977; Nơi sinh: B, Bắc Kạn; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn N, xã Ng, huyện B, tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 01/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Minh T và bà Triệu Thị Y; vợ Quách Thị I; có 02 con; tiền án, tiền sự: Không. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt.

2. Vũ Xuân Th. Tên gọi khác: Không.

Sinh ngày 05 tháng 11 năm 1985; Nơi sinh: thành phố B, tỉnh Bắc Kạn; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Tổ B, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vũ Xuân G và bà Âu Thị H; vợ Trần Thị H; có 02 con; tiền án, tiền sự: Không. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt.

3. Lường Văn T. Tên gọi khác: Không

Sinh ngày 06 tháng 8 năm 1974; Nơi sinh: B, Bắc Kạn; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn N, xã Ng, huyện B, tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 03/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt

Nam; Con ông Lường Văn S (đã chết) và bà Nông Thị L; vợ Trương Thị Th; có 02 con; tiền án, tiền sự: Không. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt.

*** Người bào chữa:**

1. Ông Hoàng Đình Toàn – Luật sư, công tác viên Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Kạn. Là người bào chữa cho bị cáo Trần Văn Ng, vắng mặt.

2. Ông Lý Văn Trung – Trợ giúp viên Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Kạn. Là người bào chữa cho bị cáo Lường Văn T, có mặt.

***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.**

1. Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

Địa chỉ: Thị trấn P, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

Người đại diện hợp pháp là ông Hoàng Văn K - Trưởng phòng Nông nghiệp và PTNT huyện B theo giấy ủy quyền số 121/CV-UBND ngày 07/02/2020. Vắng mặt.

2. Ông Trần Minh T, sinh năm 1947

Nơi cư trú: Thôn N, xã Ng, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt.

3. Bà Triệu Thị Y, sinh năm 1949

Nơi cư trú: Thôn N, xã Ng, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt.

4. Chị Trương Thị Th, sinh năm 1976.

Nơi cư trú: Thôn N, xã Ng, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

5. Anh Đàm Văn Ch, sinh năm 1967.

Nơi cư trú: Thôn N, xã Ng, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt.

6. Anh Lường Văn Th, sinh năm 1993.

Nơi cư trú: Thôn N, xã Ng, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt.

7. Anh Trần Văn L, sinh năm 1985.

Nơi cư trú: Thôn N, xã Ng, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt.

8. Chị Đinh Thị Bh, sinh năm 1982.

Nơi cư trú: Tổ 8B, phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt.

9. Anh Đường Văn T, sinh năm 1984.

Nơi cư trú: Thôn N, xã C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt.

10. Anh Hứa Văn Q, sinh năm 1991.

Nơi cư trú: Thôn N, xã Ng, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đầu tháng 4/2019 do có nhu cầu bán cây gỗ rừng trồng của gia đình thừa đất số 180 được UBND huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 17/7/2008 mang tên ông Trần Minh T và bà Triệu Thị Y cùng trú tại thôn N, xã Ng, huyện B, tỉnh Bắc Kạn nên Trần Văn Ng là con đẻ của ông T, bà Y đã gọi điện thoại cho em rể là Vũ Xuân Th, trú tại tổ B, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn để bán gỗ, Th đồng ý. Đến khoảng giữa tháng 4/2019 Th rủ thêm Đinh Thị B, trú tại tổ 8B, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn và T sinh khoảng năm 1981, trú tại thành phố H (Th không biết rõ họ, tên đệm và địa chỉ cụ thể) đều là người có mối quan hệ làm ăn với Th, cùng Ng đi lên khu rừng của hộ gia đình ông T, bà Y ở K thuộc thôn N, xã Ng để xem đồi mỡ. Sau khi xem xong Th đồng ý mua đồi mỡ và những cây gỗ Sáu, gỗ tạp mọc trên thửa đất của ông Trần Minh T và một số cây gỗ Sáu mọc trên đất của ông Lường Văn T. Do Ng không biết chữ nên Th đã thỏa thuận về thủ tục, chi phí khai thác như thuế, giấy tờ, mở đường, phí bến bãi do bên mua gỗ tự chịu trách nhiệm còn việc chặt hạ các cây gỗ, cắt khúc, bốc lên xe Th sẽ trả công là 150.000đ/01m³, còn giá mua gỗ mỡ là 800.000đ/01m³, gỗ Sáu là 1.200.000đ/01m³, gỗ tạp là 370.000đ/01m³. Sau khi thỏa thuận việc mua bán gỗ xong, Th đã liên hệ với Trạm kiểm lâm xã C để đi kiểm tra rừng trước khi làm thủ tục xin cấp phép khai thác.

Sáng ngày 28/5/2019 tổ công tác gồm: Bà Đàm Thị Th – Kiểm lâm viên Trạm Kiểm lâm C, huyện B, anh Lường Văn Đ – Người làm công tác lâm nghiệp xã Ng cùng Ng, Th, T và B tiến hành kiểm tra thửa đất số 180 và 185 tại khu rừng K, thuộc thôn N, xã Ng của hộ gia đình ông T và bà Y để xác minh đối tượng khai thác. Sau khi kiểm tra tổ công tác đã kết luận: Số cây mỡ rừng trồng chủ rừng tự quyết định việc khai thác, sau khi khai thác lập bảng kê lâm sản theo quy định tại Thông tư 27 ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn; Các cây gỗ Sáu mọc xung quanh đồi mỡ không đủ điều kiện khai thác theo quy định tại văn bản số 503 ngày 29/3/2019 của Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Bắc Kạn.

Đến sáng ngày 30/5/2019, tổ công tác gồm: Ông Nguyễn Văn T – Trạm trưởng Trạm Kiểm lâm C, ông Lê Quách Đ – Kiểm lâm viên trạm Kiểm lâm C và cùng Th, Đ, Ng và Th tiếp tục tiến hành kiểm tra thửa đất số 180 và 185 tại khu rừng K, thuộc thôn N, xã Ng của hộ gia đình ông T và bà Y. Sau khi kiểm tra tổ công tác đã kết luận: Việc khai thác trắng rừng trồng mỡ gia đình ông T tự quyết định, sau khi khai thác lập bảng kê lâm sản theo quy định tại Thông tư 27 ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, văn bản số 503 ngày 29/3/2019 của Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Bắc Kạn. Các cây gỗ Sáu tại 02 thửa đất số 180 và 185 của gia đình ông T không đủ điều kiện khai thác. Tổ công tác yêu cầu hộ gia đình ông T chấp hành nghiêm các quy định hiện hành về quản lý bảo vệ rừng được giao, phát triển rừng theo quy định của Nhà nước.

Đến khoảng đầu tháng 7/2019, Th có hỏi Lường Văn T để mua 02 cây gỗ Sáu trong đồi nhà T giáp với thửa đất của ông Trần Minh T ở khu rừng K, thôn N, xã N thì được T đồng ý bán với giá 1.200.000đ/m³. Sau đó Th có tạm ứng trước cho Ng 2.000.000đ tiền mua gỗ Mỡ và gỗ Sáu, T 2.000.000đ tiền mua gỗ Sáu và

tiền mở đường qua đất nhà T, Đàm Văn Ch (sinh năm 1967, trú tại thôn N, xã Ng) 2.000.000đ tiền mua gỗ Mỡ.

Cũng trong khoảng đầu tháng 7/2019, Vũ Xuân Th cùng Trần Văn Ng đem theo 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Trần Minh T và Triệu Thị Y, thửa số 180, tại thôn N đến Trạm kiểm lâm C gặp chị Đàm Thị Th là Kiểm lâm viên để được hướng dẫn làm hồ sơ khai thác các cây gỗ Sấu và gỗ tự nhiên mọc xen trong đồi mỡ của nhà ông T. Sau khi kiểm tra chị Th thấy đây là thửa đất rừng mà ngày 28/5/2019 và ngày 30/5/2019 đoàn kiểm tra của Trạm Kiểm lâm C đã tiến hành kiểm tra và thông báo là không đủ điều kiện khai thác. Vì vậy chị Th đã thông báo với Th và Ng là không đủ điều kiện khai thác các cây gỗ Sấu và gỗ tự nhiên do nằm ngoài rừng mỡ, nên Th và Ng đi về. Đến ngày 16/7/2019, Th tự lập phương án khai thác các cây gỗ tự nhiên mọc xen trong rừng trồng gồm các cây gỗ mỡ, bồ đề, xoan, chẹo, ràng ràng, tai trâu, lõi khoai và tự kê khai 06 cây gỗ Sấu với khối lượng là 13m³ vào trong phương án khai thác. Sau khi lập xong phương án khai thác Th đến chi nhánh Thuế huyện B nộp thuế, ngày 17/7/2019, Th đến UBND xã Ng nộp phí, lệ phí bến bãi.

Nộp thuế xong Th đưa bộ hồ sơ cho Ng cất giữ và nói đã có giấy phép khai thác gỗ Sấu và cây gỗ tạp mọc xen trong đồi trồng mỡ của hộ gia đình ông T và bảo Ng đi khai thác và tìm người cùng khai thác thuê cho Th. Do không biết chữ nên Ng cũng không mở hồ sơ xem và tin tưởng vào lời nói của Th là đã được cấp phép khai thác. Ng liên lạc với Trần Văn L, Th liên hệ với Lương Văn Th cùng trú tại thôn N, xã Ng, để đi khai thác gỗ cùng Ng. Trước khi đi khai thác L và Th đều được Th và Ng thông báo là các cây gỗ đó đã có hồ sơ được phép khai thác.

Ngày 18/7/2019, Ng mang theo 01 cưa máy lên khu rừng nhà ông T khai thác cây gỗ Sấu số 02, khi cắt có T lên cùng Ng để xem, cắt đồ xong Ng và T đi về, ngày hôm sau Ng cùng Trần Văn L và Lương Văn Th mang theo mỗi người một con dao bằng kim loại và 01 cưa máy của Ng lên khu rừng của ông T và T. Ng, Th, L khai thác 04 cây gỗ Sấu (gồm cây số 06, 07, 08 và 12), tại đây Lương Văn T đã chỉ cho Ng, Th, L cắt cây gỗ Sấu số 06 và 07 mà T đồng ý bán cho Th trước đó và chỉ các cây gỗ Sấu số 08, 10, 12, 13 và cây số 11 là gỗ muông trắng cho Ng, Th, L cắt với mục đích để bán gỗ cho Th. Khi cắt xong các cây số 06, 07, 08 và số 12, Ng, Th, L sử dụng cưa máy cắt khúc và dao để chặt cành. Khai thác xong 04 cây Sấu nêu trên Lương Văn Th nghỉ không làm nữa. Khoảng 10 ngày sau Ng tiếp tục cùng L dùng cưa máy cắt đồ 08 cây gỗ, gồm cây số 01, 03, 04, 05, 09, 10, 11 và 13, sau đó dùng cưa máy cắt khúc, dùng dao chặt cành. Những cây số 06, 07, 08, 10, 11, 12 và 13 là do Lương Văn T chỉ cho Ng, Th và L khai thác. Sau khi Ng, L và Thành đã cắt đồ 13 cây gỗ thì Th có thuê Hứa Văn Q, trú tại thôn N, xã Ng, huyện B, tỉnh Bắc Kạn sử dụng máy xúc mở đường vào trong đồi để vận chuyển gỗ và Th có nhờ Ng gọi điện thoại thuê Đường Văn T, trú tại thôn N, xã C, huyện B, sử dụng xe tắc tị để vận chuyển 14 khúc gỗ Sấu có khối lượng 5,315m³ (của các cây Sấu khác nhau) từ trong khu vực khai thác ra bãi tập kết tại nhà ông T. Đến ngày 01/8/2019 thì bị Trạm kiểm lâm xã C phát hiện và lập biên bản tạm giữ đối với 14 khúc gỗ Sấu.

Ngày 17/9/2019 và ngày 14/01/2020 Cơ quan CSĐT Công an huyện B phối hợp với cơ quan chức năng khám nghiệm hiện trường đối với hành vi khai thác lâm sản, mở đường vận chuyển trái pháp luật tại thôn N, xã Ng, huyện B, tỉnh Bắc Kạn do Th, Ng, T, Th, L, Q thực hiện. Kết quả: Tuyến đường mở trái phép thuộc Lô 34, 36; Khoảnh 4; Tiểu khu 375 thuộc xã Ng, huyện B chức năng là rừng sản xuất, hiện trạng là rừng trồng, trạng thái là rừng trồng mở, chủ quản lý là ông Trần Minh T và Lô 32; Khoảnh 4; Tiểu khu 375 thuộc xã Ng, huyện B chức năng là rừng sản xuất, hiện trạng là rừng tự nhiên, trạng thái rừng gỗ tự nhiên núi đất lá rộng thường xanh phục hồi, chủ quản lý là Lương Văn T, trú tại thôn N, xã Ng, huyện B. Các cây gỗ bị khai thác trái pháp luật thuộc thửa đất số 169,180; Lô 32, 35; Khoảnh 4, Tiểu khu 375, chức năng rừng sản xuất, hiện trạng là rừng tự nhiên, trạng thái là rừng gỗ tự nhiên núi đất lá rộng thường xanh phục hồi chủ quản lý là Lương Văn T và Trần Minh T cùng trú tại thôn N, xã Ng, huyện B. Chiều dài mở đoạn đường trái phép là 266m, rộng trung bình 2,6m. Số lượng cây gỗ bị khai thác trái pháp luật 13 cây (gỗ Sấu 10 cây, gỗ SP 02 cây và Muồng Trắng 01 cây) được cắt thành 124 khúc có khối lượng là 28,642m³, trong đó: 104 khúc còn tại hiện trường có khối lượng 22,840m³; 14 khúc có khối lượng 5,315m³ bị cơ quan Công an tạm giữ; 06 khúc gỗ có khối lượng 0,487m³ bị mất. Trước khi khám nghiệm hiện trường thì cả Ng, Th, T, L, Th đều nghĩ các cây số 01, 02, 03, 04, 05 và 09 là thuộc đất rừng nhà ông T và bà Y quản lý. Còn các cây số 06, 07, 08, 10, 11, 12, 13 là thuộc đất rừng nhà Lương Văn T quản lý. Nhưng thực tế sau khi khám nghiệm hiện trường xác định các cây số 01, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09, 10, 11, 12, 13 là thuộc đất rừng nhà Lương Văn T quản lý. Còn cây số 02 là thuộc đất rừng hộ nhà ông T và bà Y quản lý.

Căn cứ kết luận định giá tài sản số 45/KL-ĐGTS ngày 06/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện B kết luận: Tại thời điểm tháng 7/2019

- Gỗ sấu (nhóm VI) có khối lượng 20,493m³ x 8.850.000đ = 181.363.050đ;
 - Gỗ SP (nhóm VII) có khối lượng 0,948m³;
 - + Đường kính nhỏ hơn 25cm khối lượng 0,235 x 1.000.000đ = 235.000đ
 - + Đường kính 25cm bằng hoặc lớn hơn 50cm có khối lượng 0,713 x 2.000.000đ = 1.426.000đ
 - Gỗ muồng trắng (nhóm VIII) có khối lượng 1,399m³ x 1.960.000đ = 2.742.040đ.
 - Gỗ sấu (nhóm VI) có khối lượng 5,315 m³ x 8.850.000đ = 47.037.750đ.
 - Gỗ sấu (nhóm VI) có khối lượng 0,487 m³ x 8.850.000đ = 4.309.950đ
- Tổng về giá của tài sản là: 237.113.790 đồng (BL 214-215).

Ngày 13/4/2020 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B đã trưng cầu giám định chữ viết trong bộ hồ sơ xin cấp phép khai thác do Vũ Xuân Th lập. Tại Bản kết luận giám định số 17 ngày 02/5/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Kạn kết luận:

- Chữ viết trên tài liệu cần giám định (Ký hiệu: A1, A2, A3) với chữ viết trên tài liệu mẫu so sánh (Ký hiệu: M1, M2, M3) là do cùng một người viết ra.

- Chữ ký ghi tên Trần Minh T trên tài liệu cần giám định (Ký hiệu: A1, A2, A3) với chữ ký trên tài liệu mẫu so sánh (Ký hiệu: M1, M2, M3) là do cùng một người viết ra.

Tại Bản cáo trạng số 33/CT-VKS-BT ngày 17/8/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn đã truy tố các bị cáo Trần Văn Ng, Vũ Xuân Th và Lương Văn T về tội: “*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 232 của Bộ luật hình sự.

Điều luật có nội dung:

“1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 243 của Bộ luật này, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) ...

b) Khai thác trái phép rừng sản xuất là rừng tự nhiên từ 10 mét khối (m^3) đến dưới 20 mét khối (m^3) gỗ loài thực vật thông thường hoặc từ 07 mét khối (m^3) đến dưới 15 mét khối (m^3) gỗ thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIA;

...”

Tại phiên tòa đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện B giữ nguyên nội dung truy tố đối với các bị cáo và đề nghị:

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 232, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Văn Ng từ 12 đến 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Ng, huyện B, tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp thay đổi nơi cư trú được thực hiện theo Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 232, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Điều 17, Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Vũ Xuân Th từ 15 đến 18 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 đến 36 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp thay đổi nơi cư trú được thực hiện theo Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 232, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lương Văn T từ 12 đến 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Ng, huyện B, tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp thay đổi nơi cư trú được thực hiện theo Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng đối với các bị cáo

Về trách nhiệm dân sự: Đại diện UBND huyện B và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì nên không xem xét giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47/BLHS; Điều 106/BLTTHS.

- Tịch thu hoá giá sung quỹ Nhà nước: 01 cửa xăng nhãn hiệu HUSQVARNA dùng để khai thác trái phép gỗ.

- Tịch thu tiêu huỷ 03 con dao bằng kim loại sử dụng để khai thác gỗ trái pháp luật.

- Đối với 14 khúc gỗ sấu tròn có khối lượng 5,315m³ mà Hạt kiểm lâm huyện Bạch Thông đã tạm giữ chuyển theo hồ sơ vụ việc, ngày 16/4/2020 Cơ quan điều tra Công an huyện B đã ra quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức bán đấu giá. Ngày 23/7/2020 Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản Bắc Kạn đã bán lô gỗ Sấu tròn nhóm VI gồm 14 khúc có khối lượng 5,315m³ với giá là 10.000.000đ. Đề nghị thanh toán chi phí dịch vụ bán đấu giá là 1.050.000 đồng cho Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Bắc Kạn (Đã thanh toán 100.000 đồng còn phải thanh toán 950.000 đồng), số còn lại là 9.050.000 đồng sung quỹ Nhà nước.

- Tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án:

+ 01 bộ hồ sơ khai thác gỗ gồm: 01 Biên lai số 0041196; 01 biên lai số 014932, 01 biên lai số 0016848, 01 biên lai số 0027463, 01 biên lai số 0025823; 01 phương án khai thác gỗ tự nhiên mọc xen trong rừng trồng; 01 báo cáo địa danh, diện tích, khối lượng lâm sản dự kiến khai thác; 01 bản cam kết trồng lại rừng sau khai thác; 01 giấy CNQSD đất số A0 257672 (bản pho to).

+ 01 quyền sở đã tạm giữ của Đình Thị B

+ 01 thẻ nhớ ghi hình có âm thanh lời khai của các bị can.

- Trả lại cho bị cáo Lương Văn T số tiền 500.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B.

Về án phí: Các bị cáo Trần Văn Ng và Lương Văn T thuộc diện hộ nghèo và sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn và đều có đơn xin miễn án phí vì vậy đề nghị miễn án phí cho bị cáo Ng và bị cáo T. Bị cáo Vũ Xuân Th phải chịu án phí theo quy định.

Các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi vi phạm như cáo trạng đã nêu, không có khiếu nại về hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Về xử lý vật chứng, án phí các bị cáo thi hành theo quy định.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Văn Ng nhất trí với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã áp dụng đối với bị cáo về đề nghị HĐXX áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự i, s, l khoản 1 Điều 51 tuyên bị cáo từ 6 đến 9 tháng cải tạo không giam giữ, miễn khấu trừ thu nhập, tiền phạt cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Lương Văn T nhất trí về tội danh, điều luật áp dụng của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo từ 9 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, miễn tiền phạt và án phí cho bị cáo.

Đại diện UBND huyện B đã nhận lại số gỗ do các bị cáo khai thác và không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm. Về hình sự đề nghị xử lý theo quy định.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Đinh Thị B khẳng định không biết việc Th, Ng, T khai thác gỗ chưa được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp phép.

Anh Th và anh L khẳng định có được khai thác gỗ cùng bị cáo Ng nhưng được Ng và Th cho biết đã được cấp phép theo quy định. Việc khai thác các cây gỗ khu đất nhà bị cáo T do bị cáo T chỉ cho để khai thác.

Anh Đường Văn T, anh Hứa Văn Q có được vận chuyển gỗ và mở đường để vận chuyển gỗ cho Th. Trước khi thực hiện công việc đều được Th cho biết đã được cấp phép theo quy định.

Ông Trần Minh T, bà Triệu Thị Y khẳng định có được đồng ý cho Ng và Th làm hồ sơ khai thác gỗ mở rừng trồng và không biết việc Th đã ghi thêm các cây gỗ khác vào hồ sơ, việc làm hồ sơ là do Th, ông không được ký các thủ tục làm hồ sơ.

Chị Trương Thị Th không biết việc bị cáo T bán gỗ trái phép vì chị đi làm xa không ở nhà.

Người tham gia tố tụng không ai khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Rất ân hận về hành vi phạm tội của mình mong Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa xác định: Trong tháng 7/2019 tại khu rừng K, thuộc thôn N, xã Ng, huyện B, tỉnh Bắc Kạn, Vũ Xuân Th, Trần Văn Ng, Lương Văn T đã có

hành vi khai thác trái phép 13 cây gỗ. Trong đó có 10 cây gỗ Sấu nhóm VI, 01 cây gỗ Muồng trắng nhóm VIII và 02 cây gỗ SP (gỗ tạp) nhóm VII có tổng khối lượng 28,642 m³ có giá trị là 237.113.790 đồng. Căn cứ tọa độ các cây gỗ bị khai thác, đối chiếu với bản đồ quy hoạch 3 loại rừng xã Nguyên Phúc, huyện Bạch Thông, ban hành theo Quyết định số 1794/QĐ-UBND ngày 26/10/2018 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc phê duyệt kết quả rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Bắc Kạn, vị trí các cây gỗ bị khai thác số 1, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13 thuộc thửa đất số 169, lô 32, khoảnh 4, tiểu khu 375, chức năng là rừng sản xuất, hiện trạng là rừng tự nhiên, trạng thái là rừng gỗ tự nhiên núi đất lá rộng thường xanh phục hồi, chủ rừng là ông Lường Văn T và bà Trương Thị Th;

Vị trí cây gỗ số 02 bị khai thác thuộc thửa đất số 180, lô 35, khoảnh 4, tiểu khu 375, chức năng là rừng sản xuất, hiện trạng là rừng tự nhiên, trạng thái là rừng gỗ tự nhiên núi đất lá rộng thường xanh phục hồi, chủ rừng là ông Trần Minh T và bà Triệu Thị Y. 02 thửa đất trên đều do UBND huyện B quản lý.

Hành vi và khối lượng gỗ các bị can khai thác phải chịu trách nhiệm hình sự cụ thể như sau:

- Đối với Trần Văn Ng mặc dù được Th đưa bộ hồ sơ xin cấp phép khai thác gỗ cho để cất giữ nhưng do bản thân không biết chữ, không mở ra xem và tin tưởng vào lời nói của Th và nghĩ rằng các cây gỗ số 01, 02, 03, 04, 05 và 09 là thuộc đất của gia đình mình đã được Th làm hồ sơ cấp phép khai thác theo quy định nên Ng mới đi khai thác. Do đó Ng không phải chịu trách nhiệm hình sự đối với khối lượng 06 cây gỗ nêu trên.

- Đối với hành vi của Ng được T chỉ cho khai thác các cây gỗ Sấu số 06, 07, 08, 10, 12, 13 và cây gỗ Muồng trắng cây số 11 trên thửa đất của Tuyên để khai thác, bản thân Ng biết đây là những cây gỗ mọc tự nhiên, không được khai thác và biết những cây gỗ trên T chưa làm thủ tục xin cơ quan chức năng cấp phép khai thác. Do đó Trần Văn Ng phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi khai thác trái phép các cây gỗ số 06, 07, 08, 10, 11, 12, 13 có khối lượng: 15,723m³.

- Đối với Vũ Xuân Th đã có hành vi lập hồ sơ sai quy định để khai thác đối với những cây gỗ Sấu, cây gỗ SP mọc xen trong rừng trồng gồm các cây gỗ số 01, 02, 03, 04, 05 và 09 khi chưa được cơ quan chức năng cho phép khai thác và mua với Lường Văn T 02 cây sấu là cây số 06 và cây số 07, thuê Trần Văn Ng, Lường Văn Th và Trần Văn L khai thác trái phép các cây gỗ số 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07 và 09 tại khu rừng nhà ông T, (mà ông T và T tự phân định với nhau từ trước) có khối lượng 18,987m³. Do đó Th phải chịu trách nhiệm hình sự về khối lượng của 08 cây gỗ mà Ng, L và Th đã khai thác.

- Đối với Lường Văn T bản thân được nghe cơ quan chức năng tuyên truyền, ký cam kết bảo vệ rừng, ngoài ra T và gia đình chưa làm hồ sơ thủ tục xin phép khai thác cũng như chưa được cơ quan chức năng nào cho phép khai thác các cây gỗ Sấu, cây gỗ tự nhiên tại khu rừng của gia đình nhưng đã tự ý bán cây gỗ Sấu số 06 và 07 cho Thiệp và trực tiếp chỉ cho Ng, L, Th để khai thác các cây gỗ Sấu số 06, 07, 08, 10, 12, 13 và cây gỗ Muồng trắng số 11 là vi phạm định của

pháp luật. Do đó Tuyên phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi khai thác trái phép cây gỗ 06, 07, 08, 10, 11, 12, 13 có khối lượng là 15,723m³.

Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố. Xét thấy lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, biên bản khám nghiệm hiện trường và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó việc truy tố, xét xử các bị cáo Trần Văn Ng, Vũ Xuân Th, Lương Văn T về tội: “*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 232/ BLHS là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét tính chất, hành vi của các bị cáo gây ra đã xâm phạm đến chế độ về quản lý và bảo vệ rừng của Nhà nước, tổn hại đến môi trường vì vậy cần buộc các bị cáo phải chịu một hình phạt nhất định nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[3]. *Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:*

- Bị cáo Trần Văn Nghi có nhân thân tốt. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo có mẹ đẻ được Nhà nước tặng Huy chương kháng chiến hạng nhất. Vì vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51/BLHS.

- Bị cáo Vũ Xuân Th có nhân thân tốt. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo có bố đẻ được tặng kỷ niệm chương vì chủ quyền an ninh biên giới nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51/BLHS.

- Bị cáo Lương Văn T có nhân thân tốt. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo có bố đẻ được Nhà nước tặng Huy chương kháng chiến hạng nhất. Vì vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51/BLHS.

Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án. Trong vụ án này các bị cáo không có sự phân công, bàn bạc, câu kết chặt chẽ với nhau nên chỉ là đồng phạm giản đơn. Bị cáo Vũ Xuân Th khi làm thủ tục xin khai thác gỗ rừng trồng đã tự ý kê khai thêm các cây gỗ mọc tự nhiên và khối lượng gỗ khai thác trái phép phải chịu trách nhiệm hình sự nhiều hơn bị cáo T và bị cáo Ng do đó phải chịu mức hình phạt cao hơn.

Xét đề nghị của Luật sư bào chữa cho bị cáo Ng về việc cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm l khoản 1 Điều 51/BLHS

“Phạm tội trong trường hợp bị hạn chế khả năng nhận thức mà không phải do lỗi của mình gây ra”, HĐXX thấy rằng bị cáo Ng bị truy tố, xét xử về hành vi khai thác các cây gỗ theo ý thức chủ quan của cả Ng và T là thuộc khu rừng nhà bị cáo T và qua lời khai bị cáo biết rõ các cây gỗ đó chưa được cấp phép khai thác theo quy định do đó việc đề nghị áp dụng điểm 1 là không chính xác. Đối với đề nghị cho bị cáo mức hình phạt cải tạo không giam giữ, HĐXX nhận định hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội và để bảo đảm tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị ở địa phương thì việc đề nghị của Luật sư là chưa đảm bảo việc răn đe bị cáo và phòng ngừa chung hơn nữa bị cáo thuộc diện hộ nghèo, sinh sống ở khu vực kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên khó thực hiện được việc khấu trừ thu nhập do đó không chấp nhận đề nghị của Luật sư.

Xét thấy, các bị cáo đều có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, ngoài lần phạm tội này luôn chấp hành đúng chính sách, pháp luật, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của công dân nơi cư trú, có khả năng tự cải tạo xét thấy cho bị cáo hưởng án treo theo quy định tại Điều 65/BLHS vẫn bảo đảm việc răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4]. Đối với Đinh Thị Bạch, sinh năm 1982, trú tại Tổ 8B, phường P, thành phố B là người đã từng mua, bán gỗ với Vũ Xuân Th, trong khoảng thời gian tháng 7/2019 có được Th và một người đàn ông tên T (B không biết họ, tên đệm và địa chỉ của người này, chỉ biết là người ở Hà Nội) giới thiệu và dẫn lên khu rừng K thuộc thôn N xã Ng, huyện B để xem đồi cây mà Th đã mua và được ghi chép vào sổ hộ Th việc tạm ứng tiền cho Ng, T và Ch mỗi người 2.000.000đ. Tuy nhiên B không biết việc Th đã làm hồ sơ xin cấp phép khai thác trái quy định, để khai thác số gỗ nêu trên, B chỉ đồng ý mua gỗ với Th khi có đầy đủ giấy tờ khai thác hợp pháp số gỗ đó. Do đó Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện B không có căn cứ để xử lý đối với Bạch,

Đối với người đàn ông tên T là người mà Th và B quen biết. Tuy nhiên Th và B đều không biết họ, tên đệm và địa chỉ của người này ở đâu. Do Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B không có cơ sở để xác minh điều tra.

Đối với ông Trần Minh T, sinh năm 1947, trú tại Thôn N, xã Ng (là bố của Trần Văn Ng) trước khi khai thác ông T đã đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ng và Th để đi làm hồ sơ khai thác và ông T chỉ đồng ý cho khai thác khi có đủ hồ sơ giấy tờ hợp pháp. Việc Th và Ng khai thác trái phép các cây gỗ Sấu và gỗ tự nhiên mọc xen trong rừng trồng mỡ thì ông T hoàn toàn không biết. Do đó Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B không xem xét xử lý.

Đối với Lương Văn Th, sinh năm 1993 và Trần Văn L, sinh năm 1985 cùng trú tại thôn N, xã Ng đã thực hiện việc khai thác trái phép lâm sản, tuy nhiên trước khi đi khai thác Th và Ng, T đã nói có đầy đủ giấy tờ, hồ sơ được cấp phép khai thác nên Th và L mới đi khai thác. Do đó Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B không xem xét xử lý.

Đối với Hứa Văn Q, sinh năm 1991, trú tại thôn N, xã Ng, được Th thuê sử dụng máy xúc đào vào đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên để mở đường, vận

chuyển lâm sản. Trước khi nhận lời đi làm cho Th, Q được Th nói việc mở đường vào rừng để vận chuyển gỗ Th đã có giấy tờ và được cơ quan chức năng cấp phép nên Q mới đồng ý đi làm. Do đó Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B không xem xét xử lý.

Đối với Đường Văn T, sinh năm 1984, trú tại thôn N, xã C, được Th thuê sử dụng xe tắc tở để vận chuyển lâm sản, trước khi nhận lời đi làm cho Th T được Th cho biết số gỗ trên đã có giấy tờ khai thác hợp pháp nên T mới đồng ý đi làm. Do đó Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B không xem xét xử lý.

Đối với bà Triệu Thị Y, sinh năm 1947, trú tại thôn N, xã Ng (vợ ông T), quá trình ông T đưa giấy chứng nhận sử dụng đất số 180 để Th và Ng đi làm hồ sơ khai thác cũng như quá trình Th và Ng khai thác các cây gỗ Sấu và các cây gỗ tự nhiên khác thì bà Y hoàn toàn không biết. Do đó Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B không xem xét xử lý.

Đối với bà Trương Thị Th, sinh năm 1976, trú tại thôn N, xã Ng (vợ T), không biết việc T bán gỗ Sấu cho Th và chỉ cho Ng, L và Th khai thác các cây gỗ 06, 07, 08, 10, 11, 12, 13 tại thửa đất của mình. Do đó Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B không xem xét xử lý.

Đối với Đàm Văn Chn (sinh năm 1967, trú tại thôn N, xã Ng) là người đồng ý bán gỗ mỡ và đã nhận 2.000.000đ tiền tạm ứng trước của Th. Tuy nhiên Ch chưa khai thác gỗ để bán cho Th. Do đó Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B không xem xét xử lý.

Đối với Vũ Xuân Th đã có hành vi mở đường trái phép: Th đã thuê Hứa Văn Q mở đường, Đường Văn T vận chuyển gỗ. Đoạn đường có chiều dài là 226m, rộng trung bình 2,6m, tổng diện tích là 587,6m², chưa đến mức phải xử lý hình sự nhưng đã vi phạm vào Điều 20 Nghị định số 35/2019/NĐ-CP ngày 25/4/2019, Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Lâm nghiệp, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B đã bàn giao hồ sơ cho Hạt Kiểm lâm huyện B xử lý theo quy định.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Người đại diện nguyên đơn dân sự không yêu cầu các bị cáo bồi thường nên không xem xét giải quyết. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì nên không xem xét giải quyết.

[6]. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47/BLHS; Điều 106/BLTTHS.

- 104 khúc gỗ có khối lượng 22,840m³ còn tại hiện trường, Cơ quan cảnh sát điều tra đã bàn giao cho UBND huyện B quản lý do đó sẽ giao cho UBND huyện B xử lý theo quy định.

- 01 cửa xăng nhãn hiệu HUSQVARNA của bị cáo Ng sử dụng để khai thác gỗ trái pháp luật tịch thu hoá giá sung quỹ Nhà nước.

- 03 con dao bằng kim loại của bị cáo Nghi, anh Lường Văn Th và anh Trần Văn L sử dụng để khai thác gỗ trái pháp luật không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu huỷ.

- Đối với 14 khúc gỗ sấu tròn có khối lượng $5,315\text{m}^3$ mà Hạt kiểm lâm huyện B đã tạm giữ chuyển theo hồ sơ vụ việc, ngày 16/4/2020 Cơ quan điều tra Công an huyện B đã ra quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức bán đấu giá. Ngày 23/7/2020 Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản Bắc Kạn đã bán lô gỗ Sấu tròn nhóm VI gồm 14 khúc có khối lượng $5,315\text{m}^3$ với giá là 10.000.000đ. Đề nghị thanh toán chi phí dịch vụ bán đấu giá là 1.050.000 đồng cho Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Bắc Kạn (Đã thanh toán 100.000đ còn phải thanh toán 950.000đ), số còn lại là 9.050.000 đồng sung quỹ Nhà nước.

- Tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án:

+ 01 bộ hồ sơ khai thác gỗ gồm: 01 Biên lai số 0041196; 01 biên lai số 014932, 01 biên lai số 0016848, 01 biên lai số 0027463, 01 biên lai số 0025823; 01 phương án khai thác gỗ tự nhiên mọc xen trong rừng trồng; 01 báo cáo địa danh, diện tích, khối lượng lâm sản dự kiến khai thác; 01 bản cam kết trồng lại rừng sau khai thác; 01 giấy CNQSD đất số A0 257672 (bản photo).

+ 01 quyền sở đã tạm giữ của Đinh Thị B.

+ 01 thẻ nhớ ghi hình có âm thanh lời khai của các bị can.

- Trả lại cho bị cáo Lương Văn T số tiền 500.000 đồng do bị cáo nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B.

- 06 khúc gỗ sấu có khối lượng $0,487\text{m}^3$ bị mất không thu giữ được.

[7]. *Hình phạt bổ sung*: Các bị cáo Ng, T làm ruộng và thuộc diện hộ nghèo tại địa phương. Bị cáo Th là lao động tự do, không có công việc và thu nhập ổn định, qua xác minh tại địa phương các bị cáo không có tài sản riêng. Do đó không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[8]. *Về án phí*: Bị cáo Ng và bị cáo T thuộc diện hộ nghèo và có đơn xin miễn nộp toàn bộ tiền án phí. Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội, HĐXX miễn toàn bộ số tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Tuyên và bị cáo Nghi.

Bị cáo Vũ Xuân Th phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

* **Tuyên bố**: Các bị cáo Trần Văn Ng, Vũ Xuân Th, Lương Văn T đều phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản”.

- Áp dụng điểm b Khoản 1 Điều 232, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Văn Ng 12 (Mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (Hai mươi bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị

cáo cho Ủy ban nhân dân xã Ng, huyện B, tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Áp dụng điểm b Khoản 1 Điều 232, điểm i, s khoản 1 Điều 51 Điều 17, Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Vũ Xuân Th 18 (Mười tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 (Ba mươi sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Áp dụng điểm b Khoản 1 Điều 232, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lương Văn T 12 (Mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (Hai mươi bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Ng, huyện B, tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

**Về hình phạt bổ sung:* Không áp dụng.

** Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:* Áp dụng Điều 47/BLHS; Điều 106/BLTTHS.

- Giao cho UBND huyện B 104 khúc gỗ có khối lượng 22,840m³ còn tại hiện trường để xử lý theo quy định.

- Tịch thu hoá giá sung quỹ Nhà nước 01 cửa máy nhãn hiệu HUSQVARNA 365, có lam và xích dài 60cm, rộng 10cm, đã qua sử dụng;

- Tịch thu tiêu huỷ:

+ 01 con dao bằng kim loại có tổng chiều dài 38cm đã qua sử dụng, phần thân dao có chiều dài 26cm, phần cán dao dài 12cm, rộng 5,5cm;

+ 01 con dao bằng kim loại đã qua sử dụng có tay cầm bằng gỗ, phần mũi dao cong xuống. Có tổng chiều dài 40cm, phần thân dao có chiều dài 21cm, phần cán dao bằng kim loại có chiều dài 09cm, phần cán dao bằng gỗ có chiều dài bằng 10cm, phần thân rộng nhất 04cm;

+ 01 con dao bằng kim loại đã qua sử dụng có tay cầm bằng gỗ, phần mũi dao cong xuống. Có tổng chiều dài 42cm, phần thân dao có chiều dài 21,5cm, phần cán dao bằng kim loại có chiều dài 11cm, phần cán dao bằng gỗ có chiều dài bằng 9,5cm, phần thân rộng nhất 05cm;

-Số tiền 10.000.000đ do bán đấu giá 14 khúc gỗ sấu tròn có khối lượng 5,315m³, được niêm phong trong phong bì công văn của Công an huyện B có ký

hiệu “T”, các mép của phong bì được dán kín, có đầy đủ chữ ký của các thành phần có liên quan được xử lý như sau:

- + Trả cho Trung tâm dịch vụ đấu giá Bắc Kạn số tiền 950.000 đồng;
- + Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 9.050.000 đồng
- Tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án:
 - + 01 bộ hồ sơ khai thác gỗ gồm: 01 Biên lai số 0041196; 01 biên lai số 014932, 01 biên lai số 0016848, 01 biên lai số 0027463, 01 biên lai số 0025823; 01 phương án khai thác gỗ tự nhiên mọc xen trong rừng trồng; 01 báo cáo địa danh, diện tích, khối lượng lâm sản dự kiến khai thác; 01 bản cam kết trồng lại rừng sau khai thác; 01 giấy CNQSD đất số A0 257672 (bản pho to).
 - + 01 quyền sở đã tạm giữ của Đinh Thị B.
 - + 01 thẻ nhớ ghi hình có âm thanh lời khai của các bị can
- Trả lại cho bị cáo Lương Văn T số tiền 500.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B theo Biên lai thu số 08741 ngày 25 tháng 9 năm 2020.

Tình trạng, số lượng vật chứng như biên bản giao nhận giữa Công an huyện B và Chi cục Thi hành án dân sự huyện B và biên bản giao nhận giữa Công an huyện B với UBND huyện B.

** Về án phí:* Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Lương Văn T và bị cáo Trần Văn Ng được miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Vũ Xuân Th phải chịu 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết ./.

Nơi nhận:

- VKSND B 1;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn 1;
- CA huyện B 2;
- Bị cáo 3;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

- Người bào chữa 2;
- NCQLNVLQ 10;
- TA tỉnh 1;
- Sở tư pháp 1;
- THADS 1;
- Lưu Hồ sơ vụ án 1;
- Lưu 1;

Lý Thị Thúy